

MUA

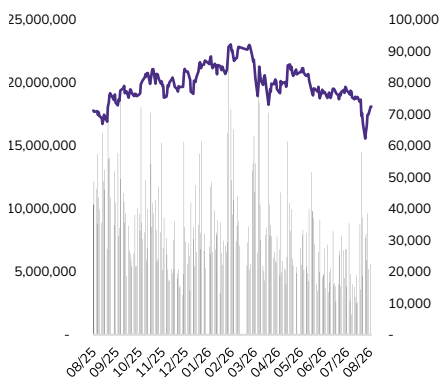
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Bán lẻ
Ngày báo cáo	: 05/08/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 72.100
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 83.900
Tỷ lệ tăng	: 16,4%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 106.403
SLCPLH (CP)	: 1.475.765.646

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2Q25	2Q26
Tăng trưởng DTT (%)	10,2%	29,6%
Tăng trưởng LNST (%)	40,6%	100,4%
Biên LNG (%)	20,1%	22,2%
Biên LNST (%)	4,4%	6,8%
ROA (%)	2,2%	3,5%
ROE (%)	5,6%	9,3%
Nợ vay/VCSH (lần)	1,05	0,80
EPS (VND/CP)	1.117	2.255
BVPS (VND/CP)	20.049	24.177

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Cải thiện hiệu suất và mở mới hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận

- KQKD Q2/2026 lợi nhuận ghi nhận gấp đôi cùng kỳ nhờ tăng trưởng doanh thu ở mức cao và biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh mẽ.
 - ✓ Doanh thu thuần Q2/2026 của MWG ghi nhận 48.751 tỷ đồng (+29,6% svck), trong đó:
 - Doanh thu CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh (DMX) đạt 32.738 tỷ đồng (+26% svck), chiếm 67,2% tổng doanh thu. Trong đó, doanh thu chuỗi Thế Giới Di Động và Topzone ghi nhận 10.521 tỷ đồng (+24,3% svck); doanh thu chuỗi Điện Máy Xanh ghi nhận 22.343 tỷ đồng (+33,2% svck).
 - Doanh thu Bách Hóa Xanh đạt 15.183 tỷ đồng (+31,3% svck), chiếm 31,1% tổng doanh thu. Trong Q2/2026, MWG đã mở mới 352 cửa hàng BHX, nâng tổng số cửa hàng lên 3.191 cửa hàng.
 - Doanh thu khác đạt 677,5 tỷ đồng (+26,4% svck), chiếm 1,4% tổng doanh thu.
 - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 10.809 tỷ đồng (+42,8% svck). Trong đó, mảng ICT/CE đóng góp 6.672 tỷ đồng, BHX đóng góp 3.816 tỷ đồng và mảng khác đóng góp 321 tỷ đồng.
 - ✓ Chi phí BH&QLDN ở mức 7.298 tỷ đồng (+23,6% svck).
 - ✓ Doanh thu tài chính đạt 957,4 tỷ đồng (+24,5% svck), chủ yếu đến từ lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi trái phiếu với trị giá 891,1 tỷ đồng (+24,1% svck); chiết khấu thanh toán ghi nhận 64,9 tỷ đồng (+33,8% svck). Chi phí tài chính ở mức 453,1 tỷ đồng (+12,6% svck), trong đó chi phí lãi vay tăng 16,3% svck lên 436,3 tỷ đồng.
 - ✓ Lãi từ công ty liên doanh EraBlue ghi nhận 18,7 tỷ đồng (+67,7% svck). Tại thời điểm cuối Q2/2026, EraBlue có 261 cửa hàng, tăng 80 cửa hàng so với đầu năm và đã chính thức xóa hết lỗ lũy kế.
 - ✓ LNST ghi nhận 3.355 tỷ đồng (+102% svck). Trong đó, LNST của DMX đạt 2.658 tỷ đồng (+98% svck); LNST của BHX ghi nhận 521,5 tỷ đồng (cùng kỳ không ghi nhận lãi).
 - ✓ Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ ghi nhận 3.303 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA MWG Q2/2026 & 1H2026

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	2Q25	2Q26	%YoY	1H2025	1H2026	%YoY
Doanh thu thuần	37.620	48.751	29,6%	73.755	95.213	29,1%
Lợi nhuận gộp	7.569	10.809	42,8%	14.769	20.519	38,9%
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	<i>20,1%</i>	<i>22,2%</i>		<i>20,0%</i>	<i>21,6%</i>	
Chi phí BH & QLDN	-5.905	-7.298	23,6%	-11.523	-14.106	22,4%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	<i>15,7%</i>	<i>15,0%</i>		<i>15,6%</i>	<i>14,8%</i>	
Doanh thu tài chính	768,8	957,4	24,5%	1.462	1.815	24,2%
Chi phí tài chính	-402,5	-453,1	12,6%	-741,5	-874,9	18,0%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>-375,2</i>	<i>-436,3</i>	<i>16,3%</i>	<i>-698,0</i>	<i>-851,8</i>	<i>22,0%</i>
Lợi nhuận từ HĐKD	2.041	4.034	97,6%	3.981	7.382	85,4%
Lợi nhuận trước thuế	2.028	4.033	98,8%	3.963	7.361	85,7%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	1.648	3.303	100,4%	3.194	6.017	88,4%
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	<i>4,4%</i>	<i>6,8%</i>		<i>4,3%</i>	<i>6,3%</i>	

Nguồn: MWG, ABS Research

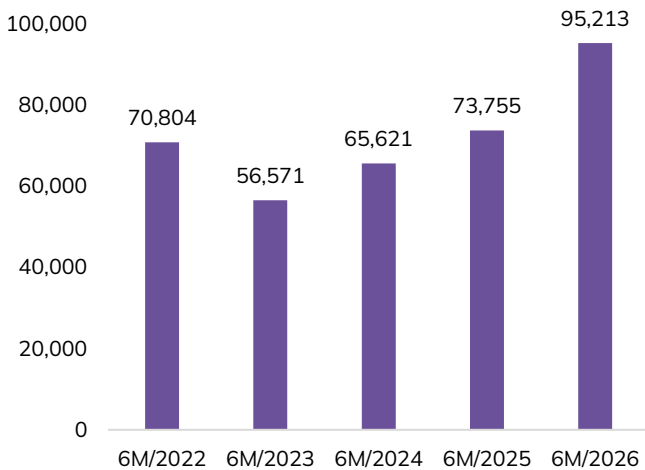
• Lũy kế 6T2026, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tích cực.

- ✓ Doanh thu thuần của MWG 6T2026 đạt 95.213 tỷ đồng (+29,1% svck); LNST cổ đông công ty mẹ ghi nhận 6.017 tỷ đồng (+88,4% svck).
 - CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh (DMX): doanh thu đạt 65.280 tỷ đồng (+27% svck), LNST ghi nhận 4.876 tỷ đồng (+73% svck), hoàn thành 53% kế hoạch doanh thu và 66% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2026.
 - Doanh thu chuỗi TGDĐ & Topzone đạt 21,5 nghìn tỷ đồng (+28,4% svck); doanh thu chuỗi Điện Máy Xanh ghi nhận 43,7 nghìn tỷ đồng (+32% svck). Trong khi số lượng cửa hàng giảm 25 cửa hàng svck, doanh thu cửa hàng hiện hữu vẫn tăng 32% svck, cho thấy tăng trưởng chủ yếu đến từ việc nâng cao năng suất điểm bán. Trong 6T2026, các chuỗi TGDĐ, ĐMX và Topzone lần lượt đóng cửa 3 cửa hàng, 3 cửa hàng và 1 cửa hàng, đưa tổng số cửa hàng của từng chuỗi xuống còn 924 cửa hàng, 2.005 cửa hàng và 84 cửa hàng vào cuối Q2/2026.
 - Doanh thu trả chậm tăng 49% svck, tỷ lệ sản phẩm áp dụng trả chậm lên đến 96%.
 - Doanh thu thợ DMX đạt 1.892 tỷ đồng (+47% svck), trong đó doanh thu khách hàng ngoài đạt 195 tỷ đồng (+30% svck), nâng tỷ trọng doanh thu từ bên ngoài lên 10,3%.
 - Xét theo kênh phân phối, doanh thu online qua ứng dụng Super App đạt 7.330 tỷ đồng, đóng góp 11% tổng doanh thu. Số lượng thành viên Super App đạt 19 triệu thành viên (tăng 1 triệu thành viên so với đầu năm).
 - Lợi nhuận gộp đạt 13.147 tỷ đồng (+44,7% svck). Nhờ tăng trưởng sản lượng, cải thiện giá bán và cơ cấu ngành hàng, biên LNG đạt 20,1%, tăng 2,4 điểm % svck.
 - Lãi từ EraBlue ghi nhận 27,7 tỷ đồng (+94,1% svck).
 - Bách Hóa Xanh: doanh thu BHX ghi nhận 28.314 tỷ đồng (+25,4% svck). LNST ghi nhận 905,9 tỷ đồng (+357,3% svck).
 - Tính chung 6T2026, BHX đã mở mới tổng cộng 632 cửa hàng mới, ghi nhận tổng cộng 3.191 cửa hàng vào cuối Q2/2026. Các cửa hàng mới mở đã ghi nhận lợi nhuận hoạt động dương ngay ở cấp độ cửa hàng, sau khi phân bổ chi phí kho vận.
 - Chuỗi nhà thuốc An Khang ghi nhận lợi nhuận trong 4 tháng liên tiếp từ tháng 3-tháng 6/2026, đưa mức lỗ nửa đầu năm 2026 xuống còn gần 4 tỷ đồng (giảm mạnh so với mức lỗ 57,3 tỷ đồng ghi nhận cùng kỳ năm ngoái).

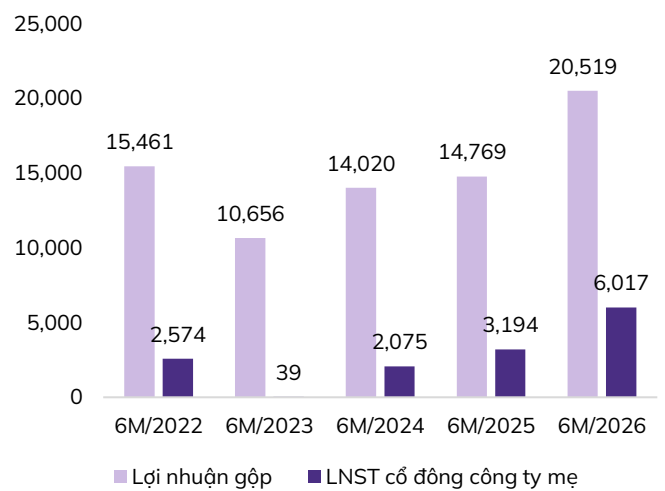
- **Tình hình tài chính an toàn với lượng tiền dồi dào và nợ vay giảm.**

- ✓ Tiền và tiền gửi ngân hàng tăng mạnh và chiếm tỷ trọng lớn trong TTS. Lượng tiền và tiền gửi ngân hàng cuối Q2/2026 ở mức 41.129 tỷ đồng (+58,5% sv đầu năm), chiếm 39,2% tổng tài sản. Lượng tiền tăng mạnh nhờ HĐSXKD mang về dòng tiền thuần 18.180 tỷ đồng trong nửa đầu năm và 13.316 tỷ đồng thu được từ đợt IPO ĐMX. Lượng tiền dồi dào giúp MWG chủ động trong việc tài trợ vốn lưu động, mở rộng hoạt động kinh doanh, đồng thời tối ưu hóa thu nhập tài chính từ tiền gửi.
- ✓ Đầu tư trái phiếu tăng. Giá trị khoản đầu tư trái phiếu cuối Q2/2026 ở mức 15.219 tỷ đồng (+13,9% sv đầu năm), chiếm 14,5% tổng tài sản. Trong đó, đầu tư trái phiếu ngắn hạn đạt 12.255 tỷ đồng (+15,6% sv đầu năm) và đầu tư trái phiếu dài hạn đạt 2.964 tỷ đồng (+7,2% sv đầu năm). Lãi từ đầu tư trái phiếu tiếp tục là nguồn đóng góp quan trọng vào doanh thu tài chính, giúp MWG tối ưu hiệu quả sử dụng lượng tiền nhàn rỗi, đồng thời gia tăng lợi nhuận tài chính trong bối cảnh doanh nghiệp duy trì lượng tiền mặt lớn.
- ✓ Hàng tồn kho tăng và chiếm tỷ trọng lớn trong TTS. Giá trị HTK cuối Q2/2026 ở mức 31.599 tỷ đồng (+13,4% sv đầu năm), chiếm 30,1% TTS, phần lớn là hàng điện tử, điện máy của ĐMX. Trong đó, giá trị tồn kho MTXT tăng mạnh 90,8% sv đầu năm lên 3.891 tỷ đồng, cho thấy ĐMX đang tích trữ lượng lớn MTXT để đón đầu nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng trong bối cảnh giá máy tính tăng cao do thiếu RAM và thiết bị bán dẫn. Ngoài ra, giá trị ĐTDĐ cuối Q2/2026 ở mức 9.678 tỷ đồng (-7,3% sv đầu năm); giá trị các thiết bị điện tử ở mức 5.720 tỷ đồng (+5% sv đầu năm); thiết bị gia dụng ở mức 4.374 tỷ đồng (+30,3% sv đầu năm); giá trị phụ kiện ở mức 1.515 tỷ đồng (+10,1% sv đầu năm).
- ✓ Nợ vay giảm nhẹ. Tổng nợ vay cuối Q2/2026 ở mức 29.090 tỷ đồng (-2,8% sv đầu năm), chiếm 27,7% tổng nguồn vốn, toàn bộ là nợ vay ngắn hạn. Tỷ lệ D/E ở mức 0,8 lần, vẫn trong ngưỡng an toàn. Nợ vay của MWG tăng liên tục kể từ năm 2022, tuy nhiên tỷ lệ D/E đã giảm dần và xuống dưới 1 vào năm 2024.

Doanh thu thuần MWG 6 tháng giai đoạn 2022-2026 (tỷ đồng)

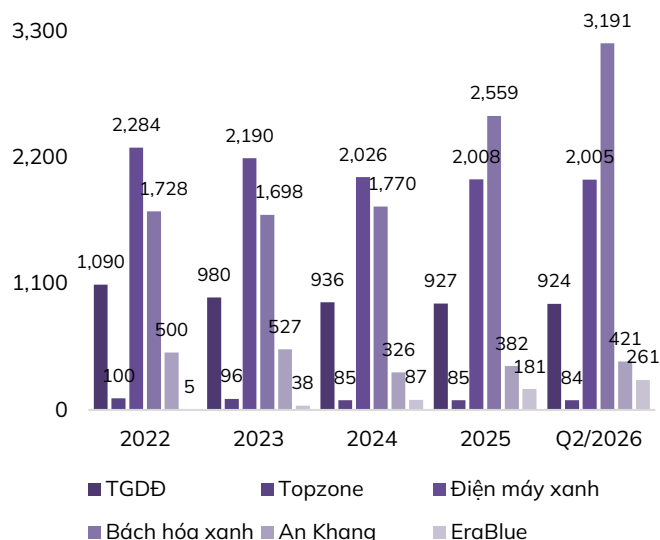


LNG và LNST cổ đông công ty mẹ của MWG 6 tháng giai đoạn 2022-2026 (tỷ đồng)

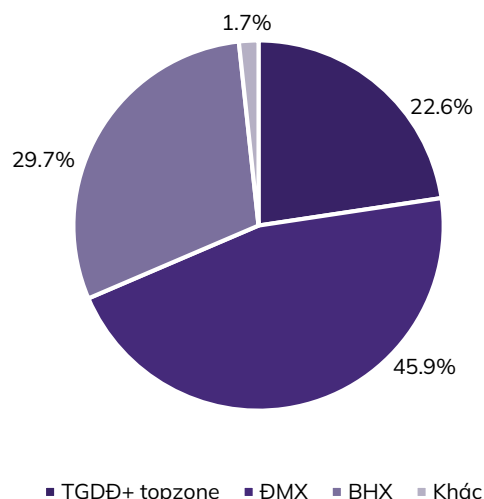


Nguồn: MWG, ABS Research

Số lượng cửa hàng các chuỗi của MWG

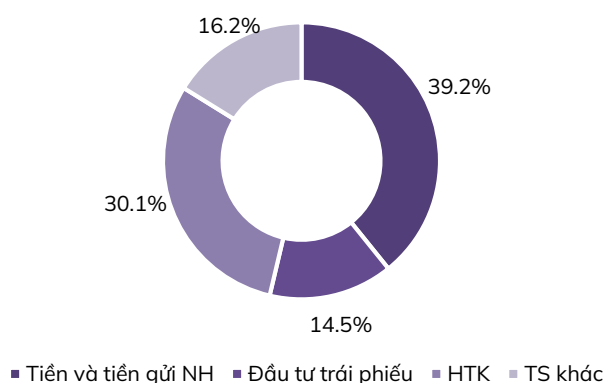


Cơ cấu doanh thu của MWG 6T2026

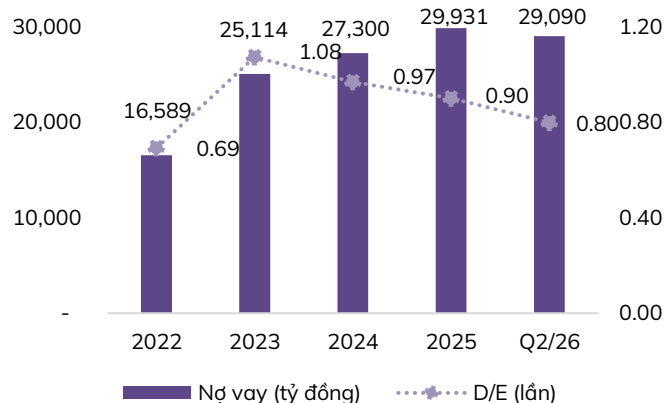


Nguồn: MWG, ABS Research

Cơ cấu tài sản của MWG cuối Q2/2026



Nợ vay và tỷ lệ D/E của MWG giai đoạn 2022-2026



Nguồn: MWG, ABS Research

Triển vọng và định giá

Chúng tôi cho rằng KQKD của MWG trong thời gian tới là khả quan, với động lực đến từ:

- Yếu tố vĩ mô - cầu tiêu dùng tiếp tục được thúc đẩy bởi các chính sách kích cầu và gia tăng thu nhập:**
 - ✓ Luật Thuế thu nhập cá nhân mới giúp giảm gánh nặng thuế cho người lao động, đặc biệt là nhóm thu nhập trung bình. Việc gia tăng thu nhập khả dụng được kỳ vọng sẽ cải thiện sức mua ngắn hạn và khuyến khích chi tiêu cho cả hàng hóa thiết yếu lẫn dịch vụ, giải trí và tiêu dùng nâng cao.
 - ✓ Chính sách giảm thuế VAT 2% tiếp tục được gia hạn đến hết năm 2026 sẽ trực tiếp làm giảm giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, qua đó kích thích tiêu dùng.
 - ✓ Ngưỡng chịu thuế với hộ kinh doanh (HKD) chính thức được nâng từ 500 triệu đồng lên 1 tỷ đồng/năm từ 01/01/2026. Nghị định 141/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nâng ngưỡng chịu thuế của HKD từ mức 500 triệu đồng lên 1 tỷ đồng sẽ giúp giảm gánh nặng thuế đáng kể đối với HKD, tăng thu nhập thực tế cho các HKD nhỏ.

- ✓ Các chính sách cải cách tiền lương có hiệu lực từ 1/7/2026 bao gồm lương cơ sở được điều chỉnh lên 2.530.000 đồng/tháng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP và lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội sẽ tăng thêm 8% theo Nghị định số 162/2026/NĐ-CP giúp tăng thu nhập cho người hưởng lợi.
- **Doanh số sản phẩm iPhone 18 dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh.** Thị trường Việt Nam đã được Apple nâng hạng lên thị trường Tier-1 kể từ cuối năm 2025, giúp thời gian mở bán iPhone mới tại Việt Nam cùng lúc với các thị trường lớn như Singapore, Mỹ và Nhật Bản tạo lợi thế tăng trưởng doanh thu cho mùa ra mắt iPhone 18 sắp tới. Đồng thời, các chính sách siết chặt thuế và hóa đơn điện tử đã giúp các nhà bán lẻ chính hãng như DMX hưởng lợi.
- **Doanh thu laptop dự kiến tiếp tục tăng trưởng.** Giá các thiết bị Laptop ở mức cao và nhu cầu mua mới thiết bị để tránh các đợt tăng giá trong tương lai sẽ tiếp tục là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng. Theo IDC, tình trạng thiếu hụt bộ nhớ và linh kiện bán dẫn được dự báo sẽ kéo dài ít nhất đến cuối năm 2027, do đó mặt bằng giá của các thiết bị laptop dự kiến sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong thời gian tới. Đồng thời, mua tựu trường sẽ là động lực cho KQKD mảng này của MWG trong quý 3.
- **Mảng điện máy được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng.** Động lực tăng trưởng nhờ thu nhập hộ gia đình cải thiện, tốc độ đô thị hóa duy trì ở mức cao và xu hướng nâng cấp các thiết bị điện gia dụng. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các thiết bị làm mát và điện gia dụng thông minh dự kiến tiếp tục gia tăng trong bối cảnh thời tiết nắng nóng kéo dài và mức sống người dân được cải thiện.
- **Chuỗi EraBlue của DMX tiếp tục gia tăng thị phần tại Indonesia.** Với dân số 150 triệu người trên đảo Java, gấp 1,5 lần dân số Việt Nam và thị trường phân phối ICT còn rất phân mảnh với các nhà bán lẻ nhỏ lẻ, gần như không có ông lớn cạnh tranh trên thị trường, mô hình bán lẻ ICT của DMX được tái hiện tại EraBlue đã đạt được những thành công đáng ghi nhận, chính thức xóa hết lỗ lũy kế sau hơn 3 năm hoạt động. Mục tiêu EraBlue sẽ có 300-350 cửa hàng vào cuối năm 2026, tương ứng tiếp tục mở mới khoảng 40-90 cửa hàng nửa cuối năm, hướng tới mục tiêu 1.000 cửa hàng vào cuối năm 2030.
- **Bách Hóa Xanh đã có tăng trưởng lãi theo quý và dự kiến sẽ xóa lỗ lũy kế trong tương lai gần.** Động lực tăng trưởng của BHX vẫn đến từ mở mới cửa hàng và tăng trưởng doanh thu trên cửa hàng hiện hữu. Hiện nay, xu hướng tiêu dùng hiện đại hóa do thu nhập được cải thiện đang chiếm ưu thế. Người dân với mức thu nhập cao hơn đang hướng đến tiêu dùng các sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng và coi trọng trải nghiệm mua sắm. Theo báo cáo Vietnam Supermarket and Hypermarket Industry, tổng quy mô bán lẻ năm 2025 đạt 309,7 tỷ USD, trong đó kênh bán lẻ hiện đại chiếm 27% tổng doanh thu; 62% người tiêu dùng Việt Nam mua sắm tại siêu thị và cửa hàng hiện đại mỗi tuần. Với việc mở mới hơn 600 cửa hàng trong nửa đầu năm, mục tiêu mở mới 1.000 cửa hàng trong năm 2026 là hoàn toàn khả thi.
- ABS Research nâng dự phóng doanh thu thuần và LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của MWG lên lần lượt 208.485 tỷ đồng (+33,7% svck) và 11.987 tỷ đồng (+70,4% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 8.123 đồng/cp và 25.676 đồng/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 8,9x và 2,8x tại mức giá hiện tại.
- Chúng tôi định giá cổ phiếu MWG theo phương pháp SOTP. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu MWG là 83.900 đồng/cp. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu MWG với tiềm năng tăng giá 16,4% từ giá hiện tại.

	Giá trị cổ phần (tỷ đồng)	Lợi ích MWG	Giá trị sở hữu	Phương pháp định giá
DMX	107.756	85,96%	92.627	DCF
BHX	23.355	94,94%	22.173	P/E 16 lần
Khác	5.145	100%	5.145	P/B 1 lần
Tổng thành phần			119.945	
Tiền ròng công ty mẹ			3.806	
Giá trị cổ phần			123.751	
SLCP			1.475.765.646	
Giá hợp lý (đ/cp)			83.856	

Nguồn: MWG, ABS Research

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA MWG

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	133,405	118,280	134,341	155,928
Giá vốn hàng bán	(102,543)	(95,759)	(106,842)	(124,926)
Lợi nhuận gộp	30,862	22,521	27,499	31,002
Doanh thu tài chính	1,313	2,167	2,377	3,107
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,188)	(1,543)
Chi phí bán hàng	(22,337)	(20,917)	(19,850)	(19,331)
Chi phí QLDN	(1,881)	(1,168)	(3,566)	(4,596)
Lợi nhuận từ HKKD	6,575	1,047	5,227	8,664
Lãi/lỗ khác	(518)	(357.4)	(401.3)	(31.0)
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	4,826	8,633
Lợi nhuận sau thuế	4,102	168	3,733	7,073
LNST cổ đông Công ty mẹ	4,100	168	3,722	7,034

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HKKD	7,976	3,436	8,517	6,096
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	1,549	(10,831)	(11,743)	(6,661)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(8,606)	7,700	2,757	667
LCT thuần trong kỳ	919	304	(468)	103
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4,142	5,061	5,366	4,897
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5,061	5,366	4,897	5,000

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1.71	1.69	1.56	1.52
Khả năng thanh toán nhanh	0.31	0.34	0.32	0.30
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.19	0.17	0.12	0.10
Khả năng thanh toán lãi vay	4.88	0.30	3.59	4.81
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.43	0.39	0.40	0.40
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.57	0.61	0.60	0.60
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.69	1.08	0.97	0.90
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	0.77	0.75	0.75	0.58
Số ngày phải trả	37.24	31.78	29.22	32.57
Số ngày tồn kho	99.50	91.64	76.35	73.84
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23.1%	19.0%	20.5%	19.9%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	4.9%	0.9%	3.9%	5.6%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	3.1%	0.1%	2.8%	4.5%
ROE	18.5%	0.7%	14.6%	23.3%
ROA	6.9%	0.3%	5.7%	9.1%
ROIC	11.8%	0.3%	6.7%	10.7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5,061	5,366	4,897	5,000
+ Đầu tư ngắn hạn	10,069	18,937	29,324	33,874
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	3,001	5,159	8,826	10,183
+ Hàng tồn kho	25,696	21,824	22,245	27,267
+ Tài sản ngắn hạn khác	750	665	544	878
Tài sản ngắn hạn	44,578	51,950	65,836	77,202
+ Các khoản phải thu dài hạn	503	458	390	404
+ Tài sản cố định	9,728	6,500	3,587	2,598
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	124	4	25	91
+ Đầu tư dài hạn	231	747	242	3,136
+ Tài sản dài hạn khác	671	452	358	515
Tài sản dài hạn	11,256	8,161	4,601	6,744

Tổng Tài sản	55,834	60,111	70,438	83,946
+ Vay ngắn hạn	10,688	19,129	27,300	29,931
+ Phải trả người bán	8,746	7,927	9,180	13,114
+ Nợ ngắn hạn khác	6,566	3,710	5,836	7,725
Nợ ngắn hạn	26,000	30,765	42,316	50,770
+ Vay dài hạn	5,901	5,985	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	1	0	0
Nợ dài hạn	5,901	5,986	0	0
Tổng nợ phải trả	31,902	36,752	42,316	50,770
+ Vốn cổ phần	14,639	14,634	14,622	14,697
+ Thặng dư vốn cổ phần	558	558	558	(153)
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,724	8,160	12,582	18,068
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	23,933	23,360	28,122	33,176
Tổng cộng nguồn vốn	55,834	60,111	70,438	83,946

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	8.5%	-	13.6%	16.1%
Tăng trưởng LNTT	-6.4%	-	599.7%	78.9%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-16.3%	-	2119.8%	89.0%
Tăng trưởng EPS	-59.2%	-	2121.5%	88.0%
Tăng trưởng VCSH	105.3%	0.0%	-0.1%	0.5%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-11.3%	7.7%	17.2%	19.2%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	16.21	516.68	36.50	18.16
P/B	2.78	3.71	4.89	3.92
EV/EBITDA	7.66	28.09	22.67	17.09
EV/Sales	0.58	0.90	1.18	0.98
EPS (đồng/cp)	2,801	115	2,545	4,786
BVPS (đồng/cp)	16,339	15,954	18,983	22,181

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Trần Minh Quang - Chuyên viên

Email: quang.trminh@abs.vn



Chứng khoán An Bình
Được vinh danh

Công ty cung cấp
Dịch vụ chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2026

BEST SECURITIES SERVICE

Do FinanceAsia bình chọn



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây

